

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG MN NAM HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/QĐ-MNNH

Nam Sơn, ngày 04 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Báo cáo tài chính năm 2023 của Trường Mầm non Nam Hà

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính gửi Tổng kế toán nhà nước đã được duyệt (gửi thành công KBNN ngày 08/4/2024)

Xét đề nghị của của bộ phận kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Báo cáo tình hình Tài chính năm 2023 được duyệt của Trường mầm non Nam Hà (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Nhà nước
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
NAM HÀ
Nguyễn Thu Thủy

Nam Sơn, ngày 04 tháng 05 năm 2024

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai Báo cáo tình hình Tài chính được duyệt năm 2023

I. Thời gian: 9 giờ 30 phút ngày 04 tháng 5 năm 2024

II. Địa điểm: Trường Mầm non Nam Hà

III. Thành phần:

1. Bà Nguyễn Thu Thủy - Hiệu trưởng
2. Bà Phạm Thị Ngọc Thanh - Phó hiệu trưởng - Thư ký
3. Bà Phạm Lê Lệ Ngân - Phó HT - Chủ tịch công đoàn
4. Bà Ngô Thị Thanh Huyền - Trưởng ban thanh tra nhân dân
5. Bà Trần Thị Thu - Kế toán
6. Bà Nguyễn Thị My - Thủ quỹ

IV. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc Công khai Báo cáo Tài chính được duyệt năm 2023 của Trường Mầm non Nam Hà theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 (theo biểu đính kèm).

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 04 tháng 5 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2024

3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo của Nhà trường, Website nhà trường.

Biên bản được lập xong vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất ký tên dưới đây.

PHÓ HT-THƯ KÝ



Phạm Thị Ngọc Thanh

TRƯỞNG BAN TTND



Ngô Thị Thanh Huyền

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thu Thủy

Thủ quỹ



Nguyễn Thị My

PHÓ HT- CHỦ TỊCH CĐ



Phạm Lê Lệ Ngân

KẾ TOÁN



Trần Thị Thu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
	TÀI SẢN				
I	Tiền	01		57.476.041	179.874.495
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	05			
III	Các khoản phải thu	10			
1	Phải thu khách hàng	11			
2	Trả trước cho người bán	12			
3	Phải thu nội bộ	13			
4	Các khoản phải thu khác	14			
IV	Hàng tồn kho	20			
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25			
VI	Tài sản cố định	30		24.864.045.466	25.333.170.620
1	Tài sản cố định hữu hình	31		2.297.045.466	2.766.170.620
	- Nguyên giá	32		3.848.303.000	4.174.067.549
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	33		(1.551.257.534)	(1.407.896.929)
2	Tài sản cố định vô hình	35		22.567.000.000	22.567.000.000
	- Nguyên giá	36		22.567.000.000	22.567.000.000
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	37			
VII	Xây dựng cơ bản dở dang	40		1.750.000.000	700.000.000
VIII	Tài sản khác	45			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (50=01+05+10+20+25+30+40+45)	50		26.671.521.507	26.213.045.115
	NGUỒN VỐN				
I	Nợ phải trả	60		26.614.045.466	26.033.419.420
1	Phải trả nhà cung cấp	61			
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	62			
3	Phải trả nội bộ	63			
4	Phải trả nợ vay	64			
5	Tạm thu	65			
6	Các quỹ đặc thù	66			
7	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	67		26.614.045.466	26.033.170.620
8	Nợ phải trả khác	68			248.800
II	Tài sản thuần	70		57.476.041	179.625.695
1	Nguồn vốn kinh doanh	71			
2	Thặng dư / thâm hụt lũy kế	72		57.476.041	179.625.695
3	Các quỹ	73			
4	Tài sản thuần khác	74			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80=60+70)	80		26.671.521.507	26.213.045.115

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thu Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01		4.274.379.334	3.627.414.145
	a. Từ NSNN cấp	02		4.274.379.334	3.627.414.145
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			
2	Chi phí (05=06+07+08)	05		4.274.379.334	3.627.414.145
	a. Chi phí hoạt động	06		4.274.379.334	3.627.414.145
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	09			
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10		3.521.000.900	1.316.376.450
2	Chi phí	11		3.600.462.792	1.150.107.158
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12		(79.461.892)	166.269.292
III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20		389.014	650.372
2	Chi phí	21		294.976	637.569
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22		94.038	12.803
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30			170.532.000
2	Chi phí khác	31			170.532.000
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
V	Chi phí thuế TNDN	40		42.781.800	
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50		(122.149.654)	166.282.095
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2	Phân phối cho các quỹ	52			
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53		523.286.997	

Lập, ngày 21 tháng 1 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Hiệu trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thu Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
1	Các khoản thu	01		6.515.529.602	4.585.097.000
1.1	Tiền Ngân sách nhà nước cấp	02		2.994.528.702	2.190.524.200
1.2	Tiền thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
1.3	Tiền thu từ nguồn phí, lệ phí	04			
1.4	Tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	05		3.521.000.900	1.316.376.450
1.5	Tiền thu khác	06			1.078.196.350
2	Các khoản chi	10		(6.638.317.070)	(4.438.662.677)
2.1	Tiền chi lương, tiền công và chi khác cho nhân viên	11		(3.481.122.699)	(2.226.708.200)
2.2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	12		(3.113.868.795)	(1.158.947.158)
2.3	Tiền chi khác	13		(43.325.576)	(1.053.007.319)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	20		(122.787.468)	146.434.323
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21			
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22		389.014	650.372
3	Tiền chi XDCB, mua tài sản cố định	23			
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		389.014	650.372
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31			
2	Tiền thu từ vốn góp	32			
3	Tiền hoàn trả gốc vay	33			
4	Tiền hoàn trả vốn góp	34			
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(122.398.454)	147.084.695
V	Số dư tiền đầu kỳ	60		179.874.495	32.789.800
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	70			
VII	Số dư tiền cuối kỳ	80		57.476.041	179.874.495

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)




Nguyễn Thu Thủy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

I. Thông tin khái quát

Đơn vị Trường Mầm non Nam Hà
Quyết định thành lập Số 100 ngày 20 /6/1995
Tên cơ quan cấp trên trực tiếp: UBND Quận Kiến An
Thuộc đơn vị cấp 1: 3
Loại hình đơn vị:

01. Đơn vị SNCL tự chủ một phần chi thường xuyên
Quyết định giao tự chủ tài chính Số 3610 ngày 29 /12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Kiến An
Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị
Chăm sóc giáo dục trẻ mầm non

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Đơn vị được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.
Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính.
Báo cáo tài chính này là của bản thân đơn vị kế toán chưa bao gồm thông tin của các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc.

Báo cáo tài chính của đơn vị đã được Hiệu trưởng phê duyệt để phát hành ngày 21 / 3 / 2024

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

1. Tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi kho bạc	24.724.141	179.874.495
- Tiền gửi ngân hàng	32.751.900	
- Tiền đang chuyển		
Tổng cộng tiền:	57.476.041	179.874.495

2. Các khoản phải thu khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tạm chi:		
- Tạm chi thu nhập tăng thêm		
- Tạm chi từ dự toán ứng trước		
- Tạm chi khác		
b. Tạm ứng cho nhân viên		
c. Thuế GTGT được khấu trừ:		
- Đối với hàng hóa, dịch vụ		

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An

Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đối với TSCĐ		
d. Chi phí trả trước		
đ. Đặt cọc, ký quỹ, ký cược		
e. Phải thu khác		
- Phải thu tiền lãi		
- Phải thu cổ tức/ lợi nhuận		
- Phải thu các khoản phí và lệ phí		
- Các khoản phải thu khác		
Tổng các khoản phải thu khác:		

3. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu vật liệu		
- Công cụ dụng cụ		
- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang		
- Sản phẩm		
- Hàng hóa		
Tổng hàng tồn kho:		

4. Tài sản cố định

Tài sản cố định của đơn vị được trình bày theo nguyên giá (giá gốc); giá trị còn lại = Nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao lũy kế.

Tỷ lệ hao mòn và khấu hao thực hiện theo số ngày của

Khoản mục chi tiết	Tổng cộng	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá	26.415.303.000	3.848.303.000	22.567.000.000
Số dư đầu năm	26.741.067.549	4.174.067.549	22.567.000.000
Tăng trong năm			
Giảm trong năm	325.764.549	325.764.549	
Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế	1.551.257.534	1.551.257.534	
Giá trị còn lại cuối năm	24.864.045.466	2.297.045.466	22.567.000.000

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Mua sắm TSCĐ		
b. XD CB dở dang	1.750.000.000	700.000.000
c. Nâng cấp TSCĐ		
Tổng giá trị xây dựng dở dang	1.750.000.000	700.000.000

6. Tài sản khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng giá trị tài sản khác		

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

7. Phải trả nợ vay

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn		
- Vay dài hạn		
Tổng các khoản vay		

8. Tạm thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí hoạt động bằng tiền		
- Viện trợ, vay nợ nước ngoài		
- Tạm thu phí, lệ phí		
- Ứng trước dự toán		
- Tạm thu khác		
Tổng các khoản tạm thu trong năm		

9. Các quỹ đặc thù

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Các quỹ đặc thù		
Tổng các quỹ đặc thù		

10. Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. NSNN cấp	24.864.045.466	25.333.170.620
- Giá trị còn lại của TSCĐ	24.864.045.466	25.333.170.620
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho		
b. Viện trợ, vay nợ nước ngoài		
- Giá trị còn lại của TSCĐ		
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho		
c. Phí được khấu trừ, để lại		
- Giá trị còn lại của TSCĐ		
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho		
d. Kinh phí đầu tư XD CB	1.750.000.000	700.000.000
Tổng các khoản nhận trước chưa ghi thu	26.614.045.466	26.033.170.620

11. Nợ phải trả khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Các khoản phải nộp theo lương:		
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
b. Các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế GTGT phải nộp		

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An

Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Thuế GTGT đầu ra		
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu		
- Phí, lệ phí		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế khác		
- Các khoản phải nộp nhà nước khác		
c. Phải trả người lao động		
- Phải trả công chức, viên chức		
- Phải trả người lao động khác		
d. Các khoản thu hộ, chi hộ		248.800
đ. Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược		
e. Nợ phải trả khác		
Tổng các khoản nợ phải trả khác		248.800

12. Nguồn vốn kinh doanh

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Do NSNN cấp		
- Vốn góp		
- Khác		
Tổng nguồn vốn kinh doanh		

13. Các quỹ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng		
- Quỹ phúc lợi		
- Quỹ bổ sung thu nhập		
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
Tổng các quỹ		

14. Tài sản thuần khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
- Nguồn cái cách tiền lương		
- Tài sản thuần khác		
Tổng tài sản thuần khác		

15. Biến động của nguồn vốn

Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc nguồn vốn						
	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	Các quỹ	Nguồn cải cách tiền lương	Khác	Cộng
Số dư đầu năm			179.625.695				179.625.695
Tăng trong năm			523.381.035		523.286.997		1.046.668.032
Giảm trong năm			645.530.689		523.286.997		1.168.817.686
Số dư cuối năm			57.476.041				57.476.041

- Thuyết minh khác về nguồn vốn (lý do tăng giảm)

16. Các thông tin khác đơn vị thuyết minh thêm

.....
.....
.....

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động

1. Hoạt động hành chính, sự nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu	4.274.379.334	3.627.414.145
a. Từ NSNN cấp:	4.274.379.334	3.627.414.145
- Thường xuyên	4.111.818.729	3.490.610.000
- Không thường xuyên	162.560.605	136.804.145
- Hoạt động khác		
b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:		
- Thu viện trợ		
- Thu vay nợ nước ngoài		
c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại		
- Phân bổ cho hoạt động thường xuyên		
- Phân bổ cho hoạt động không thường xuyên		
1.2. Chi phí	4.274.379.334	3.627.414.145
a. Chi phí hoạt động thường xuyên	4.111.818.729	3.491.850.000
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	3.772.313.729	2.907.672.900
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	339.505.000	564.397.900
- Chi phí hao mòn TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		19.779.200
b. Chi phí hoạt động không thường xuyên	162.560.605	135.564.145
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		6.000.000
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	11.600.000	8.000.000
- Chi phí hao mòn TSCĐ	143.360.605	121.564.145
- Chi phí hoạt động khác	7.600.000	
c. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài		
- Chi từ nguồn viện trợ		

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Chi vay nợ nước ngoài		
d. Chi phí hoạt động thu phí		
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		
- Chi phí hao mòn TSCĐ		
- Chi phí hoạt động khác		

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu	3.521.000.900	1.316.376.450
b. Chi phí	3.600.462.792	1.150.107.158
- Giá vốn hàng bán		
- Chi phí quản lý	3.600.462.792	1.150.107.158
+ Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	2.071.114.070	800.648.900
+ Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	126.768.522	349.458.258
+ Chi phí khấu hao TSCĐ		
+ Chi phí hoạt động khác	1.402.580.200	

3. Hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu	389.014	650.372
b. Chi phí	294.976	637.569

4. Hoạt động khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a. Thu nhập khác		170.532.000
b. Chi phí khác		170.532.000

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	42.781.800	
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm hiện hành		
Cộng	42.781.800	

6. Phân phối cho các quỹ

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Quỹ khen thưởng		
- Quỹ phúc lợi		
- Quỹ bổ sung thu nhập		
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
- Quỹ khác		
Tổng số đã phân phối cho các quỹ trong năm		

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

7. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Bổ sung thu nhập cho CBCC và người lao động		
- Chi khen thưởng		
- Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể		
Tổng số đã sử dụng kinh phí TK		

8. Thông tin thuyết minh khác

8.1 Phân phối khác số thặng dư trong năm

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Phân phối khác		

8.2. Các khoản phải nộp NSNN khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Các khoản phải nộp NSNN khác		

8.3. Thuyết minh khác

.....

.....

.....

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng nhận nợ		
- Tài sản được cấp từ cấp trên		
- Tài sản nhận chuyển giao từ đơn vị khác		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		
- Các giao dịch phi tiền tệ khác		
Cộng		

2. Các khoản tiền đơn vị nắm giữ nhưng không được sử dụng

.....

.....

.....

3. Thuyết minh khác cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

.....

.....

.....

VI. Thông tin thuyết minh khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

.....

.....

.....

Tên cơ quan cấp trên: UBND Quận Kiến An
Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Nam Hà

2. Thông tin về các bên liên quan

3. Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo năm trước

4. Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính kỳ trước

5. Thông tin khác

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thu Thủy

BÁO CÁO BỔ SUNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. Phân tích số liệu để loại trừ giao dịch nội bộ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp

STT	Chi tiêu	Mã số	Tổng số	Quan hệ giao dịch			
				Trong đơn vị dự toán cấp 1	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 - trong cùng 1 tỉnh	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 (khác tỉnh, khác Bộ, ngành) trong lĩnh vực kế toán nhà nước	Ngoài khu vực nhà nước
A	B	C	1	2	3	4	5
A	Phân tích số liệu để lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp						
I	Khoản đầu tư tài chính vào đơn vị khác	01					
	- Ngắn hạn	02					
	- Dài hạn	03					
II	Các khoản phải thu	05					
1	Phải thu khách hàng	06					
2	Trả trước cho người bán	07					
3	Các khoản phải thu khác	08					
III	Nợ phải trả	10					
1	Phải trả nhà cung cấp	11					
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	12					
3	Nợ phải trả khác	18					
IV	Nguồn vốn nhận đầu tư từ đơn vị khác	20					
	- Ngắn hạn	21					
	- Dài hạn	22					

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số	Quan hệ giao dịch			
				Trong đơn vị dự toán cấp 1	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 - trong cùng 1 tỉnh	Ngoài đơn vị dự toán cấp 1 (khác tỉnh, khác Bộ, ngành) trong lĩnh vực kế toán nhà nước	Ngoài khu vực nhà nước
A	B	C	1	2	3	4	5
B	Phân tích số liệu để lập báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp						
1	Doanh thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	50					
2	Doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	51					
3	Doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ	52	3.521.000.900				3.521.000.900
4	Thu nhập khác	53					
5	Chi phí hoạt động	60	4.274.379.334				4.274.379.334
6	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	61					
7	Chi phí hoạt động thu phí	62					
8	Chi phí khác	63					
C	Phân tích số liệu để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp						
1	Khấu hao TSCĐ	70					
2	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	71					
3	Tiền nhận vốn góp	72					

Lưu ý: Chỉ tiêu Khấu hao TSCĐ - mã số 70 chỉ lập báo cáo cho cột tổng số

II. Bổ sung thông tin thuyết minh tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm nay
1	Thuyết minh tài sản khác	
1.1	Tài sản ngắn hạn khác	

ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP 1: UBND Quận Kiến An
 ĐƠN VỊ KẾ TOÁN CƠ SỞ: Trường Mầm non Nam Hà

STT	Chi tiêu	Năm nay
1.2	Tài sản dài hạn khác	
2	Thuyết minh nợ phải trả khác	
2.1	Nợ phải trả ngắn hạn khác	
2.2	Nợ phải trả dài hạn khác	
3	Thuyết minh chi tiết chi tiêu chi phí hoạt động theo nguồn	4.274.379.334
3.1	Chi phí từ nguồn NSNN	4.274.379.334
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	3.772.313.729
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	351.105.000
	- Chi phí hao mòn TSCĐ	143.360.605
	- Chi phí hoạt động khác	7.600.000
3.2	Chi phí từ nguồn hoạt động khác được để lại (không thuộc nguồn NSNN)	
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	
	- Chi phí khấu hao/hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	
4	Thuyết minh chi tiết chi tiêu chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
4.1	Chi từ nguồn viện trợ	
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	
	- Chi phí hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	
4.2	Chi vay nợ nước ngoài	
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	
	- Chi phí hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	

ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP 1: UBND Quận Kiến An
ĐƠN VỊ KẾ TOÁN CỐ SỞ: Trường Mầm non Nam Hà

STT	Chi tiêu	Năm nay
5	Thuyết minh chi tiết chi tiêu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	3.600.462.792
	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	2.071.114.070
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	126.768.522
	- Chi phí khấu hao/hao mòn TSCĐ	
	- Chi phí hoạt động khác	1.402.580.200
6	Thuyết minh chi tiết chi tiêu tiền thu từ các khoản đầu tư (Báo cáo LCCT)	389.014
	- Tiền thu gốc	
	- Tiền thu lãi	389.014

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Hiệu trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thu Thủy

BÁO CÁO

Về việc cung cấp thông tin tài chính năm 2023

Phần I: Số liệu

1. Tài sản cố định hữu hình trang bị cho đơn vị

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã số	Nhà, vật kiến trúc khác	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
1	Nguyên giá	01				
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023)	02	3.747.598.000		426.469.549	4.174.067.549
-	Tăng trong năm	03				
-	Giảm trong năm	04	325.764.549			325.764.549
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023)	05	3.421.833.451		426.469.549	3.848.303.000
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế	06				
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023)	07	1.145.767.985		262.128.944	1.407.896.929
-	Tăng trong năm	08	108.764.355		34.596.250	143.360.605
-	Giảm trong năm	09				
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023)	10	1.254.532.340		296.725.194	1.551.257.534
3	Giá trị còn lại	11				
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023)	12	2.601.830.015		164.340.605	2.766.170.620
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023)	13	2.167.301.111		129.744.355	2.297.045.466

2. Tài sản cố định vô hình trang bị cho đơn vị

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã số	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Chương trình phần mềm	Giá trị thương hiệu	Khác	Tổng cộng
1	Nguyên giá	01						
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023)	02	22.545.000.000		22.000.000			22.567.000.000
-	Tăng trong năm	03						
-	Giảm trong năm	04						
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023)	05	22.545.000.000		22.000.000			22.567.000.000
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế	06						
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023)	07						
-	Tăng trong năm	08						
-	Giảm trong năm	09						
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023)	10						
3	Giá trị còn lại	11						
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2023)	12	22.545.000.000		22.000.000			22.567.000.000

TT	Nội dung	Mã số	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Chương trình phần mềm	Giá trị thương hiệu	Khác	Tổng cộng
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2023)	13	22.545.000.000		22.000.000			22.567.000.000

Phần II: Phân tích, đánh giá

Nơi nhận:

- KBNN;
- Lưu: VT,....(.....bản)

Hiệu trưởng
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thu Thủy